

**BAN TUYỂN GIÁO TỈNH ỦY LAI CHÂU**

**HỎI - ĐÁP**

**CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN, KẾT LUẬN  
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH, BAN THƯỜNG VỤ  
TỈNH ỦY KHÓA XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025**  
*(Tài liệu dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở và Nhân dân)*

*Lai Châu, tháng 5 năm 2021*

**NGHỊ QUYẾT SỐ 03-NQ/TU, NGÀY 03/02/2021  
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH  
Về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025,  
định hướng đến năm 2030**

-----

**Câu 1**

**Hỏi: Công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng nào?**

**Trả lời:**

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển lâm nghiệp của tỉnh. Các cấp, các ngành, tổ chức và Nhân dân trong tỉnh đã cùng nỗ lực, cố gắng và vào cuộc trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Diện tích rừng đạt 453.520,3 ha, tỷ lệ che phủ đạt 50,5%, tăng 41.508,05 ha (chiếm 4,1%) so với năm 2015. Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ diện tích rừng gắn với thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Chất lượng rừng từng bước được cải thiện, các hoạt động bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng đã góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

**Câu 2**

**Hỏi: Hạn chế trong công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh những năm qua là gì?**

**Trả lời:**

Diện tích và tỷ lệ che phủ rừng còn thấp so với yêu cầu phòng hộ đầu nguồn Sông Đà. Chất lượng các loại rừng chưa cao; một số diện tích rừng vẫn bị mất hàng năm do cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy. Rừng trồng sản xuất phát triển còn chậm, tỷ lệ rừng trồng chưa thành rừng còn cao.

Chính sách đầu tư, hỗ trợ trồng rừng còn thấp, chưa khuyến khích được người dân và doanh nghiệp tham gia. Công tác giao rừng, phân định ranh giới rừng chưa được thực hiện; hạ tầng lâm sinh kém phát triển. Tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp vẫn còn xảy ra.

Nguyên liệu rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ và lâm sản ngoài gỗ, chế biến lâm sản chưa phát triển, thị trường tiêu thụ chưa phong phú.

### Câu 3

**Hỏi: Quan điểm về bảo vệ, phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được xác định như thế nào trong Nghị Quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy?**

#### Trả lời:

- Rừng được quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững về diện tích và chất lượng, đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển rừng bền vững dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,... gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư, bảo vệ và phát triển, khai thác và hưởng lợi từ rừng, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; trong đó, cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư và Nhân dân nơi có rừng, đặc biệt là chủ rừng giữ vai trò nòng cốt.

- Tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng dân cư, toàn thể Nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

### Câu 4

**Hỏi: Mục tiêu cụ thể của tỉnh Lai Châu trong công tác bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030 là gì?**

#### Trả lời:

- *Giai đoạn 2021-2025*

+ Tập trung quản lý, bảo vệ tốt 453.520,3 ha rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên trên 35.300 ha; trồng mới khoảng 15.000 ha rừng, trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng 1.000 ha, rừng sản xuất và cây phân tán 14.000 ha (*cây Quế 5.000 ha; cây gỗ lớn 8.500 ha; cây phân tán khoảng 500.000 cây tương đương với 500 ha*); tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% vào năm 2025.

+ Thành lập mới 01 khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè; 100% các Ban Quản lý rừng phòng hộ được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững; có 01 đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng được phê duyệt.

+ Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng từ 1 đến 2 nhà máy chế biến lâm sản. Đầu tư mở mới khoảng 150 km đường lâm nghiệp.

- *Định hướng đến năm 2030*: Tổ chức bảo vệ diện tích rừng toàn tỉnh gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiếp tục khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên khoảng 17.900 ha; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác 20.000 ha, nâng tổng diện tích rừng trồng toàn tỉnh lên khoảng trên 40.000 ha; có từ 2 chủ rừng trở lên được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc PEFC); phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%.

### **Câu 5**

**Hỏi: Nhiệm vụ trọng tâm để phát triển rừng bền vững trong thời gian tới được tỉnh xác định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng; gắn bảo vệ rừng với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng, trách nhiệm của chủ rừng, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ rừng với công tác bảo vệ rừng.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng với quan điểm phòng là chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dự báo, cảnh báo cháy rừng, theo dõi tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Tăng cường đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Tổ chức điều tra, đánh giá và hoàn thiện các thủ tục thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè; các Ban quản lý rừng phòng hộ triển khai xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định.

- Các huyện, thành phố tập trung thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng.

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, chủ động và đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cây giống trồng rừng mới tại tỉnh.

- Đầu tư trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng tại các huyện Tân Uyên,

Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè với các loài cây bản địa, cây lâm sản ngoài gỗ. Thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất gắn với chế biến lâm sản, nâng cao giá trị kinh tế từ rừng trồng tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè.

- Khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất đến chu kỳ khai thác. Tổ chức cho thuê môi trường rừng gắn du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng; nghiên cứu thực hiện thí điểm cho thuê môi trường rừng trên diện tích đất rừng phòng hộ để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

- Đầu tư nguồn lực phát triển hạ tầng đường lâm nghiệp phục vụ vùng trồng rừng gỗ lớn.

**NGHỊ QUYẾT SỐ 04-NQ/TU NGÀY 17/02/2021**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**Về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp**  
**của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025,**  
**định hướng đến năm 2030**

-----

**Câu 1**

**Hỏi: Kết quả tích cực trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu những năm qua là gì?**

**Trả lời:**

- Nhiều di sản văn hóa vật thể được kiểm kê, lập hồ sơ khoa học; nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc được nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, truyền dạy.

- Các giá trị văn hóa truyền thống về trang phục, kiến trúc nhà ở, dân ca, dân vũ, kỹ thuật chế tác và sử dụng nhạc cụ, nghề thủ công truyền thống, ẩm thực, tri thức dân gian,... được bảo tồn, phát huy.

- Một số giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc đã trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc, thu hút đông đảo du khách, mang lại thu nhập góp phần nâng cao đời sống Nhân dân và phát triển văn hóa, con người Lai Châu.

**Câu 2**

**Hỏi: Những hạn chế, bất cập trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu thời gian qua là gì? Nguyên nhân?**

**Trả lời**

**\* Những hạn chế, bất cập:**

- Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc chưa có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch của địa phương.

- Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; nhiều giá trị văn hóa đã có kết quả nghiên cứu nhưng chưa được đưa vào sử dụng; tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ bị mai một.

- Mọi quan hệ giữa bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống với phát triển trong quản lý văn hóa chưa được giải quyết hài hòa.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu, chưa phát huy được tối đa vai trò của các nghệ nhân dân gian; nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch còn thiếu và chưa chuyên nghiệp;...

**\* Nguyên nhân:**

- Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và một bộ phận Nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò của việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc đối với phát triển bền vững đất nước và địa phương.

- Đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch còn thấp, chưa tương xứng và còn dàn trải, chủ yếu lồng ghép với các nguồn vốn khác; việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn ít, chưa hiệu quả.

- Hạ tầng du lịch, hệ thống thiết chế văn hóa còn thiếu, chưa đồng bộ.

- Chưa có cơ chế, chính sách, lộ trình cụ thể đối với công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

**Câu 3**

**Hỏi: Quan điểm chỉ đạo về công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được xác định trong như thế nào Nghị Quyết số 04-NQ/TU?**

**Trả lời:**

- Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, cần thiết của tỉnh; là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền, Nhân dân là chủ thể thực hiện.

- Bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc phải gắn với ngăn chặn, xoá bỏ hủ tục lạc hậu; đồng thời phát triển văn hóa, xây dựng con người mới, nếp sống mới, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc Lai Châu.

- Giá trị văn hóa đặc sắc các dân tộc phải trở thành nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch. Lấy bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc làm điều kiện cốt lõi để xây dựng môi trường du lịch bền vững, tạo ra các sản phẩm du lịch độc

đáo, hấp dẫn nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh cho du lịch Lai Châu.

#### **Câu 4**

**Hỏi: Mục tiêu cụ thể của tỉnh Lai Châu trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 – 2025, giai đoạn 2026 - 2030 là gì?**

#### **Trả lời:**

*- Giai đoạn 2021 - 2025:*

(1) Hằng năm, phân đấu mỗi dân tộc được bảo tồn ít nhất 01 di sản văn hóa truyền thống tốt đẹp, trong đó ưu tiên: Lễ hội, chữ viết, ẩm thực, trang phục, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian.

(2) Bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; xây dựng 03 hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; xây dựng bộ sưu tập hiện vật và phim tư liệu vùng văn hóa các dân tộc cư trú thành cộng đồng phục vụ công tác trưng bày chuyên đề gắn với phát triển du lịch.

(3) Xây dựng 05 sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó có ít nhất 01 sản phẩm du lịch đạt sản phẩm OCOP 4-5 sao.

(4) Xây dựng 3 điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm văn hóa, sản phẩm OCOP, nông sản gắn với các điểm thăm quan, du lịch.

(5) Tốc độ tăng trưởng khách du lịch tăng 20%/năm; tổng doanh thu đạt trên 2.350 tỷ đồng.

(6) Phân đấu xây dựng 01 bản du lịch cộng đồng tiêu biểu quốc gia, tiến tới đề nghị công nhận điểm du lịch cộng đồng ASEAN.

*- Giai đoạn 2026 - 2030:*

(1) Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tiến tới đề nghị UNESCO vinh danh 01 di sản là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; phân đấu xây dựng mới và nâng tầm thêm 01 bản du lịch cộng đồng thành làng văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của quốc gia.

(2) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phát triển 01 chợ phiên truyền thống trở thành trung tâm giao lưu văn hóa, trao đổi sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Bắc.

(3) Tập trung xây dựng 01 - 02 sản phẩm du lịch văn hóa thường niên của tỉnh góp phần xây dựng thương hiệu du lịch Lai Châu.



(4) Xây dựng 01 - 02 sản phẩm du lịch sinh thái lòng hồ gắn với trải nghiệm văn hóa tốt đẹp các dân tộc.

### **Câu 5**

**Hỏi:** Nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của Nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc được xác định trong Nghị quyết số 04-NQ/TU như thế nào?

#### **Trả lời:**

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch.

- Nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống. Thực hiện có hiệu quả phân cấp quản lý di tích, danh lam, thắng cảnh, xây dựng mô hình tổ chức, hoạt động của các ban quản lý di tích, điểm du lịch phù hợp với quy mô, tính chất loại hình, tình hình và điều kiện thực tế ở địa phương. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch vào chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của các địa phương, đơn vị.

- Tăng cường sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và các cơ quan thông tấn báo chí trong việc tuyên truyền, quảng bá về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch của tỉnh.

### **Câu 6**

**Hỏi:** Các nhiệm vụ về đẩy mạnh nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, lưu giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; sử dụng các giá trị văn hóa đặc sắc để phát triển du lịch được xác định cụ thể như thế nào trong Nghị quyết số 04-NQ/TU?

#### **Trả lời**

- *Nhiệm vụ đẩy mạnh việc nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, lưu giữ,*

*bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống:*

+ Ưu tiên triển khai các đề tài khoa học nghiên cứu, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc. Thực hiện tốt công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tại địa phương từ đó đề xuất phương án bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả.

+ Quan tâm ứng dụng khoa học, công nghệ để nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các loại hình có nguy cơ mai một; nghiên cứu, biên soạn, giới thiệu các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh. Thực hành bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng; phát huy vai trò của các quy ước, hương ước trong bảo tồn các giá trị văn hóa.

+ Tổ chức phục dựng, trình diễn, truyền dạy, sáng tạo, phổ biến văn hóa truyền thống trong cộng đồng, gia đình, trường học. Phục hồi và nâng cao một số lễ hội tiêu biểu có thể tổ chức định kỳ hằng năm. Xây dựng các đội văn nghệ truyền thống thôn bản, câu lạc bộ văn nghệ dân gian cấp xã.

+ Lựa chọn phục dựng không gian văn hóa dân tộc tiêu biểu ở các bản, các chợ phiên, nhằm bảo lưu, trao truyền các loại hình văn hóa truyền thống như: Nhà ở, nghề thủ công, ẩm thực, các loại hình dân ca, dân vũ, lễ hội... nghiên cứu sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa,...

+ Khuyến khích đội ngũ nghệ nhân trao truyền bí quyết, kiến thức di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ; quan tâm việc truyền dạy các giá trị văn hóa đặc sắc trong các nhà trường. Khuyến khích các tầng lớp Nhân dân sáng tạo và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp; đấu tranh phòng, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa phẩm độc hại, mê tín dị đoan, bài trừ các hủ tục lạc hậu.

*- Nhiệm vụ sử dụng các giá trị văn hóa đặc sắc để phát triển du lịch:*

+ Lựa chọn, có định hướng cụ thể đối với việc sử dụng giá trị văn hóa đặc sắc, tốt đẹp các dân tộc trong phát triển du lịch, đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương. Tiếp tục tổ chức các hoạt động lớn như ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, liên hoan ca múa nhạc dân gian, triển lãm văn hóa dân tộc gắn với thực hiện tốt công tác giới thiệu, quảng bá các bản sắc văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của từng dân tộc, địa phương đến với du khách, bạn bè trong và ngoài nước.

+ Có cơ chế, nguồn lực để sử dụng, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc vào du lịch cộng đồng, tạo thành các sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc; ưu tiên thực hiện đối với một số điểm du lịch cộng đồng có điều kiện, lợi thế, tiêu biểu của tỉnh.

+ Xây dựng phương án sắp xếp không gian các điểm du lịch cộng đồng. Lựa chọn các bản, các điểm cộng đồng dân cư có các sản phẩm văn hóa truyền thống đặc sắc để phát triển du lịch.

**NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU NGÀY 22/02/2021  
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025,  
định hướng đến năm 2030**

-----

**Câu 1**

**Hỏi: Trong giai đoạn 2016 - 2020, lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh đạt được kết quả nổi bật nào?**

**Trả lời:**

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,55 %/năm. Tổng sản lượng lương thực đạt 220 nghìn tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 452 kg/năm, bảo đảm an ninh lương thực.

Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp được thực hiện hiệu quả, cơ cấu sản xuất chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất nông sản hàng hoá chủ lực, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: vùng lúa, chè chất lượng cao, vùng cao su, mắc ca, quế, chuối... cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Bước đầu thực hiện có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm; các chính sách hỗ trợ, phát triển sản xuất nông nghiệp được tăng cường, hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng lên.

**Câu 2**

**Hỏi: Những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh 5 năm qua?**

**Trả lời:**

- *Hạn chế:* Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao; chất lượng sản phẩm hàng hóa và sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa gắn kết chặt chẽ với chế biến và tiêu thụ; việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp còn nhiều hạn chế; liên doanh, liên kết và thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá chưa nhiều, hiệu quả thấp; tập quán canh tác một số khu vực, nhất là vùng sâu, vùng xa còn lạc hậu; diện tích đất chưa sử dụng, đất trồng cây giá trị kinh tế thấp còn lớn.

- *Nguyên nhân:* Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên và một bộ phận người dân về vai trò của nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh của tỉnh chưa sâu sắc; địa kinh tế của tỉnh không thuận lợi, cạnh tranh trong sản xuất nông

nghiệp hàng hóa ngày càng gay gắt; tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng phức tạp; cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, hỗ trợ phát triển nông nghiệp còn thiếu đồng bộ, nguồn lực để bố trí thực hiện chính sách chưa tương xứng.

### **Câu 3**

**Hỏi: Quan điểm chỉ đạo phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được Đảng bộ tỉnh xác định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

- Lấy phát triển nông nghiệp là trọng tâm phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó xác định sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung là động lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sạch, công nghệ sinh học, quản lý nông nghiệp, tăng năng suất, chất lượng.

- Phát huy lợi thế tự nhiên, chuyển đổi mạnh diện tích cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị cao theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng để phát triển, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp có giá trị gắn với nhu cầu thị trường và lợi thế cạnh tranh. Huy động, tập trung cao nguồn lực, chính sách, tạo chuyển biến nhanh trong sản xuất nông nghiệp.

- Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, bảo đảm quy mô sản xuất tập trung đủ lớn trên cơ sở thực hiện liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, mở rộng cơ giới hóa trong chuỗi sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ. Sản xuất theo hướng hữu cơ, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, có chứng nhận nhãn hiệu xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung phải lấy doanh nghiệp, hợp tác xã là trung tâm, cộng đồng dân cư và hộ nông dân là chủ thể, thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền; gắn chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), chương trình xây dựng nông thôn mới với phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp và phát triển du lịch.

### **Câu 4**

**Hỏi: Mục tiêu cụ thể của tỉnh Lai Châu trong phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030 là gì?**

**Trả lời:** Nghị quyết xác định 3 nhóm mục tiêu cụ thể:

***1. Phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực có lợi thế cạnh tranh, tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu***

- *Giai đoạn 2021 - 2025:* Phấn đấu trồng mới trên 4.000 ha mắc ca, đưa tổng diện tích cây mắc ca đạt khoảng trên 8.000 ha; phấn đấu trồng mới trên 2.400 ha chè, đưa tổng diện tích chè toàn tỉnh đạt trên 10.000 ha. Chăm sóc, bảo vệ và khai thác ổn định 12.995 ha cây cao su hiện có, phấn đấu tổng sản lượng cao su đạt bình quân 11.000 tấn/năm.

- *Định hướng đến năm 2030:* Toàn tỉnh có khoảng trên 20.000 ha cây mắc ca; giữ ổn định 10.000 ha chè; sản lượng mủ cao su đạt khoảng 14.000 tấn/năm.

***2. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đặc sản***

- *Giai đoạn 2021 - 2025:* Hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng tập trung diện tích khoảng 3.500 ha, trong đó diện tích sản xuất lúa đặc sản (tẻ râu, sém cù...) đạt khoảng 1.750 ha; phát triển các loại hoa khoảng 200 ha, trên 70.000 chậu hoa địa lan và một số vùng sản xuất rau, củ, quả theo liên kết sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; phấn đấu trồng mới trên 1.600 ha cây ăn quả (chanh leo, chuối, cây ăn quả nhiệt đới...), đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 6.800 ha cây ăn quả tập trung.

Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, phấn đấu có khoảng 36 cơ sở chăn nuôi đại gia súc tập trung theo hướng trang trại; có khoảng 28 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung (khoảng từ 150 con/1 cơ sở trở lên). Phấn đấu có 4.380 đàn ong nuôi tập trung. Thể tích nuôi cá, tôm lòng hồ tăng thêm khoảng 45.000 m<sup>3</sup>.

- *Định hướng đến năm 2030:* Giữ ổn định 3.500 ha lúa hàng hóa, trong đó có khoảng 2.000 ha lúa đặc sản; có 9.700 ha cây ăn quả tập trung; ổn định diện tích 200 ha hoa và một số vùng sản xuất rau hàng hóa theo liên kết; 54 cơ sở chăn nuôi đại gia súc tập trung; 47 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung; 23 cơ sở nuôi ong tập trung; thể tích nuôi cá, tôm lòng hồ tăng thêm khoảng 72.000 m<sup>3</sup>.

***3. Phát triển công nghiệp chế biến***

*Đến năm 2025,* phấn đấu đầu tư xây dựng 03 khu, cụm công nghiệp với chức năng chính chế biến sản phẩm nông nghiệp, quy mô tối đa 75 ha/cụm công nghiệp (01 cụm tại huyện Tân Uyên, 01 khu tại huyện Phong Thổ, 01 cụm tại huyện Than Uyên).

Thu hút đầu tư xây dựng khoảng 14 cơ sở chế biến, đóng gói, bảo quản hoa quả tươi, bao gồm: Chế biến gạo; chế biến mắc ca; chế biến cao su; chế biến chè; bảo quản quả tươi; chế biến quế và nhà máy sản xuất

phân bón.

### **Câu 5**

**Hỏi: Nhiệm vụ trọng tâm để phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 được xác định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

- Tập trung phát triển, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của địa phương, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có chất lượng, hiệu quả cao và phát triển bền vững; tập trung vào các cây trồng có lợi thế, như: Chè, Mắc ca, Cao su... Phát triển một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản, các sản phẩm đặc sản, như: Lúa gạo đặc sản chất lượng, cây ăn quả, cây hoa, rau, chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi lợn, nuôi ong, tôm cá lồng hồ thủy điện... Phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp vừa là mục tiêu vừa là nhiệm vụ quan trọng, có tính chất quyết định để Nghị quyết đạt được mục tiêu đề ra.

### **Câu 6**

**Hỏi: Giải pháp thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai, cơ cấu lại các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa và giải pháp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn được xác định cụ thể như thế nào trong Nghị quyết số 05-NQ/TU?**

#### **Trả lời:**

- *Giải pháp thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai, cơ cấu lại các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa:*

+ Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ chuyển đổi tập trung đất đai theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; vận động, khuyến khích người dân chuyển đổi các diện tích đất hoang hóa, đất canh tác cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, đề án đã được phê duyệt, để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn.

+ Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có chất lượng, hiệu quả cao và phát triển bền vững; phát triển diện tích cây Mắc ca tập trung tại các huyện: Than Uyên, Tân Uyên, Mường Tè, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn; cây chè tại các huyện: Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, thành phố Lai Châu, Phong Thổ; chăm sóc,

quản lý bảo vệ tốt diện tích cao su hiện có, từng bước nâng cao giá trị vườn cao su, tăng sản lượng khai thác và thu nhập cho người dân từ cao su.

+ Phát triển một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có lợi thế, các sản phẩm đặc sản:

Vùng thâm canh lúa đặc sản (Séng cù, Tẻ râu, nếp Tan Pòm, Co Giàng ...) tại Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, thành phố Lai Châu. Phát triển trồng chuối tại các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường; chanh leo tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Nậm Nhùn; cây ăn quả nhiệt đới (xoài, nhãn...) tại vùng có khí hậu nhiệt đới, độ cao dưới 500m thuộc vùng dọc sông Đà, sông Nậm Na của các huyện Phong Thổ, vùng thấp Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, vùng giáp ranh với huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) của huyện Than Uyên; trồng mới các loại hoa, rau tại huyện Tam Đường, thành phố Lai Châu; hoa Địa Lan tại các xã vùng cao huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và Tam Đường; trồng rau, củ quả, hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất các loại rau chính vụ, trái vụ; liên kết cung cấp cho các nhà máy chế biến.

Củng cố những cơ sở chăn nuôi đại gia súc hiện có; khuyến khích phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô vừa và lớn theo hình thức công nghiệp khép kín, thâm canh, an toàn sinh học, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tập trung cải tạo đàn trâu, bò địa phương, hạn chế dần đến chấm dứt chăn nuôi thả rông. Cải tạo chuồng trại, phát triển cơ sở chăn nuôi lợn áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, phòng trừ dịch bệnh, hạn chế thiệt hại thấp nhất của dịch tả lợn Châu Phi.

Tập trung chăn nuôi ong tại các vùng có diện tích cây ăn quả tập trung và diện tích rừng tự nhiên lớn, tạo sản phẩm đặc trưng, thương hiệu của Lai Châu. Rà soát, quy hoạch lại vùng nuôi tôm, cá tập trung tại các huyện: Than Uyên, Tân Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè; phát triển đa dạng các sản phẩm thủy sản phù hợp với nhu cầu thị trường.

*- Giải pháp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn*

+ Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản.

+ Kiện toàn, nâng cao năng lực của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết. Củng cố, tăng cường quản lý các hệ thống cung ứng dịch vụ nông, lâm nghiệp.

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình. Thu hút doanh nghiệp ngoại tỉnh, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã



trong tỉnh; ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có uy tín, năng lực đầu tư vào các vùng sản xuất hàng hóa, gắn với bao tiêu sản phẩm. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phân đầu mỗi năm thành lập mới được 15 hợp tác xã nông nghiệp (bình quân mỗi huyện 2 hợp tác xã/1năm).

**NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU NGÀY 15/3/2021**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người**  
**dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025,**  
**định hướng đến năm 2030**

-----

**Câu 1**

**Hỏi: Thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã của tỉnh hiện nay như thế nào?**

**Trả lời:**

Nhìn chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, năng lực, uy tín, đảm bảo các điều kiện về tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Nhiều đồng chí đã được rèn luyện qua thực tiễn, sâu sát cơ sở; có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được phân công, làm chuyển biến tích cực về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân, lè lỏi làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cơ sở; góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII.

*Tuy nhiên*, chất lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã có nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số còn bất cập, phân bố không đồng đều, chưa tương xứng với tỷ lệ dân số; còn nhiều dân tộc thiểu số có ít hoặc không có cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, cấp huyện; số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý một số dân tộc thiểu số ở cấp huyện còn thấp hơn ở cấp tỉnh.

Một số nơi quy hoạch chưa gắn với đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, dẫn đến một số dân tộc có số lượng cán bộ trong quy hoạch thì nhiều nhưng số lượng cán bộ đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý còn ít hoặc không có.

**Câu 2**

**Hỏi: Tình hình công tác tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số của tỉnh trong thời gian qua?**

**Trả lời:**

Công tác tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường phổ thông dân tộc nội trú; cử học sinh là con em người dân tộc thiểu số đi đào tạo theo hệ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp đã bố trí vào các công việc phù hợp; quan tâm tuyển dụng con em người dân tộc thiểu số, đến nay một số dân tộc đặc biệt ít người đã có cán bộ ở các cấp.

Các khâu trong công tác cán bộ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, chặt chẽ; quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp, lựa chọn bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã.

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số phù hợp giữa các chức danh đã nâng cao hiệu quả trong công việc ở nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ đi học, chính sách thu hút cán bộ, trong đó có chính sách ưu tiên đào tạo văn hóa, chuyên môn đối với cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, đặc biệt là dân tộc rất ít người.

**Câu 3**

**Hỏi: Quan điểm chỉ đạo đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã trong thời gian tới được Đảng bộ tỉnh xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, phải được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả.

- Cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số phải phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và năng lực thực tiễn của cán bộ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng mà trước hết là người đứng đầu và cơ quan tham mưu của Đảng, trong đó cơ quan tổ chức, cán bộ là nòng cốt.

**Câu 4**

**Hỏi: Đảng bộ tỉnh xác định những mục tiêu chủ yếu nào đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030?**

**Trả lời:*****- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số cấp tỉnh***

+ *Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh:* Cán bộ người dân tộc thiểu số trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chiếm 40%, đến năm 2030 là 45%; 70% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp, đến năm 2030 là 75%; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 90% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Ban Thường vụ Tỉnh ủy:* Cán bộ người dân tộc thiểu số trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy chiếm 50%, đến năm 2030 là 55%; 100% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp; 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh:* 100% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp; 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Trưởng, phó các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh:* 80% sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh có cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số, đến năm 2030 là 85%; 30% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp, đến năm 2030 là 35%; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 90% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Trưởng, phó phòng và tương đương thuộc các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh:* Cán bộ người dân tộc thiểu số chiếm 25%, đến năm 2030 là 30%; 70% có trình độ cao cấp lý luận chính trị, đến năm 2030 là 75%; 50% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, đến năm 2030 là 55%; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

***- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số huyện, thành phố***

+ *Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thành phố:* Cán bộ người dân tộc thiểu số trong cấp ủy chiếm 40%, đến năm 2030 là 45%; 95% có trình độ chuyên môn đại học trở lên, đến năm 2030 là 100%; 85% có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân, đến năm 2030 là 90%; 60% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính trở lên, đến năm 2030 là 65%; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong đó 90% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy:* 100% ban thường vụ huyện ủy thành ủy có cán bộ người dân tộc thiểu số; cán bộ người dân tộc thiểu số trong ban thường vụ khoảng 40%, đến năm 2030 là 45%; 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Lãnh đạo HĐND, UBND huyện, thành phố*: 100% lãnh đạo HĐND hoặc UBND huyện, thành phố có cán bộ người dân tộc thiểu số; 100% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ *Trưởng phó các phòng, ban, cơ quan thuộc huyện, thành phố*: 60% các phòng ban, cơ quan cấp huyện có cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số, đến năm 2030 là 65%. 70% có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân, đến năm 2030 là 75%; 40% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, đến năm 2030 là 45%; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- *Đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã*: 100% cán bộ chủ chốt cấp xã đảm bảo điều kiện theo tiêu chuẩn chức danh; trong đó: 70% có trình độ chuyên môn đại học trở lên, đến năm 2030 là 90%; 30% có trình độ lý luận chính trị cao cấp, đến năm 2030 là 40%; tỷ lệ cán bộ nữ khoảng 10%, đến năm 2030 là 15%; 100% có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; 100% được bồi dưỡng nghiệp vụ theo chức danh; 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 90% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

## **Câu 5**

**Hỏi: Nội dung cơ bản của các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được Đảng bộ tỉnh xác định nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là gì?**

### **Trả lời:**

**1. Nâng cao nhận thức về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã**

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu tiếp tục quán triệt sâu sắc nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng; nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển tỉnh.

**2. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số**

Tiếp tục quan tâm củng cố hệ thống các trường đào tạo của tỉnh; mở rộng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, phát triển các trường bán trú; quan tâm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Đầu tư cơ sở vật

chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học; liên kết đào tạo với các trường đại học, học viện để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Chăm lo hỗ trợ điều kiện học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số, nhất học sinh ở vùng cao, biên giới, vùng gặp nhiều khó khăn; thực hiện đầy đủ các chính sách ưu tiên đối với học sinh người dân tộc thiểu số, tạo điều kiện tốt nhất để các em có cơ hội đến trường và học tập tốt.

### **3. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ**

*Một là:* Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ

*Hai là:* Thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại và lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ.

*Ba là:* Nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã; gắn quy hoạch cán bộ chủ chốt cấp xã với quy hoạch cán bộ cấp huyện.

*Bốn là:* Thực hiện nghiêm túc, dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, điều kiện. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong đề xuất, giới thiệu cán bộ ứng cử. Quan tâm bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cán bộ người dân tộc thiểu số ở một số ngành, lĩnh vực chưa có hoặc có ít cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số.

*Năm là:* Thực hiện tốt các quy định về khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số; chính sách thu hút, sử dụng cán bộ, sử dụng cán bộ khoa học có trình độ cao về công tác tại tỉnh.

*Sáu là:* Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất về công tác cán bộ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng quyền lực để thực hiện những hành vi sai trái trong công tác cán bộ. Giải quyết kịp thời, nghiêm túc những đơn thư, khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ.

### **4. Quan tâm đầu tư nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng**

Hàng năm ưu tiên dành nguồn kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã; kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường đào tạo trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học, nhất là tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú./.